

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ  
THƯƠNG MẠI**

**Báo cáo tài chính  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012  
đã được kiểm toán**

# CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

## **NỘI DUNG**

	<b><u>Trang</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02-03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	05-29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05-07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-29

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy.

Trụ sở chính của Công ty: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

**Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Lê Tất Hưng	Chủ tịch
Ông Đỗ Văn Hội	Phó chủ tịch
Ông Cao Minh Tuấn	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Lan	Ủy viên
Ông Mai Xuân Ngoạt	Ủy viên
Ông Vương Ngọc Sơn	Ủy viên

**Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:**

Ông Lê Tất Hưng	Giám đốc
-----------------	----------

**Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:**

Ông Đỗ Ngọc Thao	Trưởng ban
Ông Bùi Ngọc Thanh	Thành viên
Ông Đan Hải Long	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

---

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

#### **Cam kết khác**

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc

---

**Lê Tất Hưng**

Giám đốc

*Hải Phòng, ngày 16 tháng 01 năm 2013*

Số: /2013/BC.KTTC-AASC.KT2

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại được lập ngày 16 tháng 01 năm 2013, gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**

---

**Nguyễn Thanh Tùng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

---

**Dương Quân Anh**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 1686/KTV

*Hà Nội, ngày 28 tháng 01 năm 2013*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>43.538.156.871</b>	<b>47.915.563.737</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>2.687.626.063</b>	<b>21.055.054.619</b>
111	1. Tiền		2.687.626.063	4.055.054.619
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	17.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>24.203.997.269</b>	<b>11.586.526.333</b>
131	1. Phải thu của khách hàng		3.502.369.899	4.705.606.898
132	2. Trả trước cho người bán		221.023.010	-
135	5. Các khoản phải thu khác	4	20.666.375.990	7.066.691.065
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(185.771.630)	(185.771.630)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>5</b>	<b>11.857.620.662</b>	<b>13.531.663.667</b>
141	1. Hàng tồn kho		11.857.620.662	13.531.663.667
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>4.788.912.877</b>	<b>1.742.319.118</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		4.951.818	23.780.000
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.263.080.860	448.677.713
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	6	4.543.977	340.238.723
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	7	516.336.222	929.622.682
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>184.264.278.001</b>	<b>201.007.872.805</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>184.250.078.001</b>	<b>200.713.355.133</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	174.693.501.597	193.351.267.073
222	- Nguyên giá		268.728.363.825	268.705.417.825
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(94.034.862.228)	(75.354.150.752)
227	3. Tài sản cố định vô hình	9	7.255.296.000	7.255.296.000
228	- Nguyên giá		7.282.609.900	7.282.609.900
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.313.900)	(27.313.900)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	2.301.280.404	106.792.060
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>14.200.000</b>	<b>294.517.672</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		-	280.317.672
268	3. Tài sản dài hạn khác		14.200.000	14.200.000
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>227.802.434.872</b>	<b>248.923.436.542</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>148.176.965.812</b>	<b>159.776.131.160</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>66.444.150.872</b>	<b>58.919.315.091</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	11	28.896.143.417	23.065.510.384
312	2. Phải trả người bán		22.094.742.116	12.483.582.461
313	3. Người mua trả tiền trước		1.330.514.515	6.007.291.802
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	42.227.929	2.704.027
315	5. Phải trả người lao động		1.153.754.476	1.805.396.451
316	6. Chi phí phải trả	13	8.194.967.027	11.287.720.637
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	14	4.396.756.246	3.876.454.348
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		335.045.146	390.654.981
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>81.732.814.940</b>	<b>100.856.816.069</b>
334	4. Vay và nợ dài hạn	15	81.732.814.940	100.777.819.272
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	78.996.797
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>79.625.469.060</b>	<b>89.147.305.382</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>79.625.469.060</b>	<b>89.147.305.382</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		60.000.000.000	60.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.169.335.000	17.169.335.000
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	(11.243.466)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		2.047.519.690	2.007.495.080
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		2.543.003.763	2.522.991.459
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(2.134.389.393)	7.458.727.309
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>227.802.434.872</b>	<b>248.923.436.542</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
5. Ngoại tệ các loại			
- Đồng Dollar Mỹ (USD)		80.995,62	73.099,77

---

**Trần Thị Kim Lan**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Tất Hưng**  
Giám đốc

*Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013*



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	186.689.000.478	197.923.569.062
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	275.868.202
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		186.689.000.478	197.647.700.860
11	4. Giá vốn hàng bán	18	184.220.221.364	171.309.687.893
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		2.468.779.114	26.338.012.967
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	302.306.985	2.037.186.609
22	7. Chi phí tài chính	20	5.717.511.633	21.437.914.457
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		5.578.654.027	7.520.173.409
24	8. Chi phí bán hàng	21	1.164.924.279	748.346.639
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.560.404.078	5.544.521.626
30	10. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		(9.671.753.891)	644.416.854
31	11. Thu nhập khác	23	388.494.967	3.748.216
32	12. Chi phí khác	24	123.806.099	74.355.388
40	13. Lợi nhuận khác		264.688.868	(70.607.172)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.407.065.023)	573.809.682
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25	-	173.563.585
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>(9.407.065.023)</u>	<u>400.246.097</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	(1.568)	67

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		189.618.937.738	204.227.416.606
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(184.635.193.929)	(139.235.334.493)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(19.273.169.359)	(21.922.380.013)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(6.362.183.234)	(8.059.057.747)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(73.040.456)	(833.420.436)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		27.414.632.899	29.800.640.998
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.099.617.536)	(36.820.471.884)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(5.409.633.877)</b>	<b>27.157.393.031</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(22.946.000)	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		204.282.631	1.240.421.070
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>181.336.631</b>	<b>1.240.421.070</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		31.000.027.159	-
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(44.129.104.126)	(15.017.917.448)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(3.000.000.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(13.129.076.967)</b>	<b>(18.017.917.448)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(18.357.374.213)</b>	<b>10.379.896.653</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>		<b>21.055.054.619</b>	<b>10.655.667.684</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(10.054.343)	19.490.282
<b>70</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>2.687.626.063</b>	<b>21.055.054.619</b>

Trần Thị Kim Lan  
Kế toán trưởng

Lê Tất Hưng  
Giám đốc

Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm 2012**

### **1 . THÔNG TIN CHUNG**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại là công ty cổ phần được thành lập tại Hải Phòng, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ vận tải thủy.

Trụ sở chính của Công ty: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty là 60.000.000.000 đồng; tương đương 6.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Số 11A Lầu 1 - Hoàng Diệu - Phường 12 - Quận 4 Thành phố Hồ Chí Minh

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0200387594 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 28 tháng 06 năm 2010, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách trong và ngoài nước;
- Dịch vụ đại lý: tàu biển, liên hiệp vận chuyển, giao nhận hàng hóa, môi giới và cung ứng tàu biển;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, đầu tư xây dựng cho thuê văn phòng;
- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước: cung ứng và cho thuê thuyền viên.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

**Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
- Thiết bị văn phòng	03 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

Căn cứ vào tình trạng kỹ thuật thực tế của tàu Transco Sun, hội đồng kiểm tra tình trạng kỹ thuật đã thống nhất giảm thời gian trích khấu hao còn lại của tàu từ 8,5 năm xuống 5,5 năm kể từ ngày 01/01/2012 theo biên bản họp số 52B/KT ngày 25 tháng 03 năm 2012 về việc thay đổi thời gian khấu hao tàu Transco Sun của Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại. Việc thay đổi thời gian khấu hao đã làm chi phí khấu hao 06 tháng đầu năm 2012 tăng lên 589.802.943 đồng, chi phí khấu hao cả năm 2012 tăng lên 1.179.605.878 đồng, và lợi nhuận trước thuế của Công ty theo đó cũng bị giảm đi với số tiền tương ứng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

**Chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

**Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Từ năm 2012 Công ty thay đổi chính sách kế toán đối với các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái theo hướng dẫn tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thay thế cho Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Theo đó các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản/tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Việc xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được thay đổi so với năm 2011 như sau:

	Năm 2012	Năm 2011
Tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được để số dư trên báo cáo tài chính, đầu năm sau ghi bút toán ngược để xóa số dư
Các khoản nợ dài hạn	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Đối với số lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ năm 2011 trở về trước chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư còn lại được phân bổ tiếp vào chi phí tài chính của các năm tiếp theo, thời gian phân bổ theo số năm còn lại tương ứng nhưng không quá 5 năm kể từ năm phát sinh khoản lỗ chênh lệch tỷ giá đó.	Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả kinh doanh của công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ vào các năm sau để công ty không bị lỗ nhưng mức ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Số chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được theo dõi và tiếp tục phân bổ vào chi phí trong các năm tiếp theo với thời gian tối đa là 5 năm.

Việc thay đổi chính sách kế toán này không áp dụng hồi tố cho Báo cáo tài chính năm 2011 trở về trước.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**Các khoản thuế**

*Thuế hiện hành*

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	591.875.752	927.111.289
Tiền gửi ngân hàng	2.095.750.311	3.127.943.330
Các khoản tương đương tiền	-	17.000.000.000
	<b>2.687.626.063</b>	<b>21.055.054.619</b>

**4 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay, lãi chậm trả	-	26.705.354
Phải thu công ty bảo hiểm về chi phí khắc phục sự cố tàu <sup>(1)</sup>	18.009.003.857	7.039.233.711
Phải thu chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu <sup>(2)</sup>	2.648.821.927	-
Phải thu khác	8.550.206	752.000
	<b>20.666.375.990</b>	<b>7.066.691.065</b>

(1) Khoản phải thu Công ty Bảo Việt Hải Phòng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Star theo hợp đồng nguyên tắc bảo hiểm tàu biển số 08/HĐBH-TB/2012 ngày 31/12/2012 giữa Công ty Bảo Việt Hải Phòng và Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi 02 bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

(2) Khoản phải thu các chủ hàng về chi phí khắc phục sự cố tàu Transco Sky theo quy định tại các hợp đồng vận tải. Khoản phải thu sẽ được ghi giảm khi các bên làm quyết toán theo quy định tại hợp đồng và các phụ lục bổ sung.

**5 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.857.620.662	13.531.663.667
	<b>11.857.620.662</b>	<b>13.531.663.667</b>

**6 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.543.977	340.238.723
	<b>4.543.977</b>	<b>340.238.723</b>

**7 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	516.336.222	929.622.682
	<b>516.336.222</b>	<b>929.622.682</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	<b>Cộng</b> <b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	<b>268.597.433.004</b>	<b>107.984.821</b>	<b>268.705.417.825</b>
Số tăng trong năm	-	<b>22.946.000</b>	<b>22.946.000</b>
- Mua sắm mới	-	22.946.000	22.946.000
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<b>268.597.433.004</b>	<b>130.930.821</b>	<b>268.728.363.825</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	<b>75.246.165.931</b>	<b>107.984.821</b>	<b>75.354.150.752</b>
Số tăng trong năm	<b>18.676.973.502</b>	<b>3.737.974</b>	<b>18.680.711.476</b>
- Trích khấu hao	18.676.973.502	3.737.974	18.680.711.476
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<b>93.923.139.433</b>	<b>111.722.795</b>	<b>94.034.862.228</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	<b>193.351.267.073</b>	-	<b>193.351.267.073</b>
Số dư cuối năm	<b>174.674.293.571</b>	<b>19.208.026</b>	<b>174.693.501.597</b>

Trong đó

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 174.674.267.073
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 18.555.316.308

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	<b>Cộng</b> <b>VND</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	<b>7.255.296.000</b>	<b>27.313.900</b>	<b>7.282.609.900</b>
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	<b>7.255.296.000</b>	<b>27.313.900</b>	<b>7.282.609.900</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	-	<b>27.313.900</b>	<b>27.313.900</b>
Số tăng trong năm	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	-	<b>27.313.900</b>	<b>27.313.900</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Số dư đầu năm	<b>7.255.296.000</b>	-	<b>7.255.296.000</b>
Số dư cuối năm	<b>7.255.296.000</b>	-	<b>7.255.296.000</b>

Tại thời điểm 31/12/2012, giá trị quyền sử dụng đất tại Lô đất B2 Tại khu đô thị mới Ngã 5 - Sân Bay Cát Bi với nguyên giá là 7.255.296.000 VND đã được dùng để thế chấp cho khoản vay dài hạn theo hợp đồng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009 tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Hồng Bàng, Hải Phòng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	106.792.060	-
Số tăng trong năm	14.646.425.018	106.792.060
Số đã kết chuyển vào chi phí để phân bổ trong năm	(2.087.070.078)	-
Giảm khác	(10.364.866.596)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b><u>2.301.280.404</u></b>	<b><u>106.792.060</u></b>

**Trong đó, chi tiết số dư cuối năm bao gồm:**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>2.301.280.404</b>	<b>106.792.060</b>
- Sửa chữa tàu Transco Star	-	106.792.060
- Sửa chữa tàu Transco Sky	2.301.280.404	-
	<b><u>2.301.280.404</u></b>	<b><u>106.792.060</u></b>

**11 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>12.019.233.417</b>	<b>-</b>
- Vay ngân hàng	6.339.233.417	-
- Vay cá nhân	5.680.000.000	-
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>16.876.910.000</b>	<b>23.065.510.384</b>
(Xem thuyết minh 15)		
	<b><u>28.896.143.417</u></b>	<b><u>23.065.510.384</u></b>

**Chi tiết vay ngắn hạn**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng <sup>(1)</sup>	6.339.233.417	-
Vay cá nhân <sup>(2)</sup>	5.680.000.000	-
	<b><u>12.019.233.417</u></b>	<b><u>-</u></b>

**Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	16.876.910.000	23.065.510.384
	<b><u>16.876.910.000</u></b>	<b><u>23.065.510.384</u></b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn**

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01-Transco/2012 ngày 07/06/2012, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 8.000.000.000 đồng;
  - + Mục đích vay: thanh toán các chi phí lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh;
  - + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày ký hợp đồng đến ngày 31/05/2013;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất năm và bằng tổng của lãi suất cơ sở cộng biên độ 6,0%/năm. Lãi suất cho vay áp dụng cho kỳ tính lãi đầu tiên từ ngày ký hợp đồng đến ngày 05/07/2012 là 16%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: tài sản thế chấp là tàu Transco Sun trọng tải 7.071 tấn, xác định theo Biên bản định giá tài sản thế ngày 18/04/2012 là 840.000 USD.
- (2) Các khoản vay theo hợp đồng vay vốn cá nhân với lãi suất bằng lãi suất ngân hàng thương mại mà Công ty đang giao dịch, định kỳ 01 tháng xác định lãi suất 01 lần vào ngày 05 hàng tháng.

**12 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	1.274.430
Thuế Thu nhập cá nhân	42.227.929	1.429.597
	<b>42.227.929</b>	<b>2.704.027</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**13 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	1.995.671.163	2.789.711.693
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Star	-	2.400.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sun	3.200.000.000	1.600.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Hà Tây	-	3.780.000.000
Trích trước chi phí sửa chữa lớn tàu Transco Sky	2.200.000.000	-
Chi phí phải trả khác	799.295.864	718.008.944
	<b>8.194.967.027</b>	<b>11.287.720.637</b>

**14 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	29.940.000
Phải trả cho Vinaship	1.364.195.342	1.341.454.769
Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên đã rời tàu	2.609.150.135	2.358.721.080
Phải trả thuế thu nhập cá nhân thu thừa	153.934.722	127.691.907
Phải trả, phải nộp khác	269.476.047	18.646.592
	<b>4.396.756.246</b>	<b>3.876.454.348</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**15 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>	<b>81.732.814.940</b>	<b>100.777.819.272</b>
- Vay ngân hàng	81.732.814.940	100.777.819.272
	<b>81.732.814.940</b>	<b>100.777.819.272</b>
 <b>Chi tiết vay dài hạn</b>		
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hồng Bàng	81.732.814.940	100.777.819.272
	<b>81.732.814.940</b>	<b>100.777.819.272</b>

**Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn**

Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm 31/12/2012 là 81.732.814.940 đồng, bao gồm hai hợp đồng vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồng Bàng:

- (1) Hợp đồng tín dụng số 01/HĐDH/NHHB ngày 12 tháng 09 năm 2007 và bản sửa đổi hợp đồng tín dụng số 4 ngày 15 tháng 01 năm 2013, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền ngân hàng cho vay: 6.450.000 USD;
  - + Mục đích vay: thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô New Lucky XI theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 14/06/2007 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Công ty Franbo Navigator S.A., PANAMA;
  - + Thời hạn cho vay: 9,5 năm (114 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
  - + Số dư gốc vay dài hạn tại thời điểm cuối năm là 1.898.574 USD, tương đương với 39.509.324.940 đồng, số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 305.000 USD, tương đương với 6.347.050.000 đồng.
  
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/TSC-HB/2009 ngày 08 tháng 07 năm 2009, với các điều khoản chi tiết sau:
  - + Số tiền ngân hàng cho vay: 3.800.000 USD;
  - + Mục đích vay: Thanh toán tiền mua tàu chở hàng khô HAWAIIAN EYE trọng tải 7.833 DWT theo bản ghi nhớ Hợp đồng ngày 26/06/2009 ký giữa Công ty Cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại và Continent Maritime S.A of PANAMA;
  - + Thời hạn cho vay: 8 năm (96 tháng) kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
  - + Lãi suất cho vay: là lãi suất thả nổi, định kỳ 3 tháng xác định 1 lần và bằng lãi suất huy động tiết kiệm USD 12 tháng trả lãi sau tại thời điểm điều chỉnh lãi suất cộng biên độ 3%/năm;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 2.029.000 USD, tương đương với 42.223.490.000 đồng, trong đó số dư nợ gốc phải trả trong năm tới là 506.000 USD, tương đương với 10.529.860.000 đồng.

Cả 2 hợp đồng vay trên đều được đảm bảo bằng tài sản thế chấp là tàu chở hàng khô Hà Tây trọng tải 8.294 DWT, tàu Transco Star, tàu Transco Sky và quyền sử dụng diện tích đất 595m<sup>2</sup> tại thửa đất số 05 lô 2B Khu đô thị mới ngã 5 Sân bay Cát Bi - Đông Khê - Ngô Quyền - Hải Phòng theo hợp đồng thế chấp tài sản số 01/TSC-HB/2010 và 02/TSC-HB/2010 ngày 13 tháng 08 năm 2010.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	16.876.910.000	23.065.510.384
Trong năm thứ hai	19.686.260.000	29.730.470.384
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	62.046.554.940	71.047.348.888
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày trên khoản nợ ngắn hạn)	(16.876.910.000)	(23.065.510.384)
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b><u><u>81.732.814.940</u></u></b>	<b><u><u>100.777.819.272</u></u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

---

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.000.000.000	60.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	<i>60.000.000.000</i>	<i>60.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	3.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>-</i>	<i>3.000.000.000</i>

**d) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.000.000	6.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>6.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.047.519.690	2.007.495.080
Quỹ dự phòng tài chính	2.543.003.763	2.522.991.459
	<b>4.590.523.453</b>	<b>4.530.486.539</b>

**17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Doanh thu hoạt động vận tải biển	147.189.225.722	153.231.701.667
Doanh thu cung cấp dịch vụ	39.499.774.756	44.691.867.395
	<b>186.689.000.478</b>	<b>197.923.569.062</b>

**18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Giá vốn hoạt động vận tải biển	146.768.829.317	128.857.266.840
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	37.451.392.047	42.452.421.053
	<b>184.220.221.364</b>	<b>171.309.687.893</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	177.577.277	1.267.126.424
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	32.334.516	770.060.185
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	92.395.192	-
	<b>302.306.985</b>	<b>2.037.186.609</b>

**20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền vay	5.578.654.027	7.520.173.409
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	138.857.606	2.644.121.256
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	11.273.619.792
	<b>5.717.511.633</b>	<b>21.437.914.457</b>

**21 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.164.924.279	748.346.639
	<b>1.164.924.279</b>	<b>748.346.639</b>

**22 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	55.971.326	86.313.854
Chi phí nhân công	4.072.539.988	4.000.031.390
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.737.974	1.680.122
Thuế, phí, lệ phí	7.463.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	727.964.901	678.344.408
Chi phí khác bằng tiền	692.726.889	775.151.852
	<b>5.560.404.078</b>	<b>5.544.521.626</b>

**23 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu nhập từ bán sắt thép phế liệu	154.251.000	-
Thu nhập từ tiền phạt phải thu khách hàng	125.373.349	-
Thu nhập khác	108.870.618	3.748.216
	<b>388.494.967</b>	<b>3.748.216</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**24 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí khắc phục sự cố máy chính tàu Transco Sky	113.527.016	-
Chi phí khác	10.279.083	74.355.388
	<b>123.806.099</b>	<b>74.355.388</b>

**25 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP****Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(9.407.065.023)	573.809.682
Các khoản điều chỉnh tăng	76.248.443	158.314.886
- <i>Chi phí không hợp lệ</i>	76.248.443	158.314.886
Các khoản điều chỉnh giảm	(14.776.457)	(37.870.228)
- <i>Chênh lệch tỷ giá</i>	(14.776.457)	(37.870.228)
Tổng thu nhập tính thuế	(9.345.593.037)	694.254.340
- <i>Thu nhập tính thuế còn lại</i>	(9.345.593.037)	694.254.340
Thuế suất Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	-	173.563.585
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>173.563.585</b>
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	(340.238.723)	246.577.672
Thuế Thu nhập doanh nghiệp được hoàn trong năm	408.735.202	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(73.040.456)	(760.379.980)
<b>Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm</b>	<b>(4.543.977)</b>	<b>(340.238.723)</b>

**26 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	(9.407.065.023)	400.246.097
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(9.407.065.023)	400.246.097
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	6.000.000	6.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.568)</b>	<b>67</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**27 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.339.471.829	56.542.028.390
Chi phí nhân công	23.528.024.992	23.966.907.384
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.680.711.476	17.610.034.998
Chi phí dịch vụ mua ngoài	77.251.824.124	78.329.943.290
Chi phí khác bằng tiền	1.145.517.300	1.153.642.096
	<b><u>190.945.549.721</u></b>	<b><u>177.602.556.158</u></b>

**28 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Các loại công cụ tài chính của Công ty**

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2012		01/01/2012	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.687.626.063	-	21.055.054.619	-
Phải thu khách hàng	3.502.369.899	(185.771.630)	4.705.606.898	(185.771.630)
Phải thu khác	20.666.375.990	-	7.066.691.065	-
	<b><u>26.856.371.952</u></b>	<b><u>(185.771.630)</u></b>	<b><u>32.827.352.582</u></b>	<b><u>(185.771.630)</u></b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	110.628.958.357	123.843.329.656
Phải trả người bán	22.094.742.116	12.483.582.461
Chi phí phải trả	8.194.967.027	11.287.720.637
Phải trả khác	4.396.756.246	3.876.454.348
	<b><u>145.315.423.746</u></b>	<b><u>151.491.087.102</u></b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012***Rủi ro thị trường***

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Rủi ro thanh khoản***

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại 31/12/2012</b>				
Vay và nợ	28.896.143.417	81.732.814.940	-	110.628.958.357
Phải trả người bán	22.094.742.116	-	-	22.094.742.116
Chi phí phải trả	5.994.967.027	2.200.000.000	-	8.194.967.027
Phải trả khác	4.396.756.246	-	-	4.396.756.246
	<b>61.382.608.806</b>	<b>83.932.814.940</b>	<b>-</b>	<b>145.315.423.746</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>				
Vay và nợ	23.065.510.384	100.777.819.272	-	123.843.329.656
Phải trả người bán	12.483.582.461	-	-	12.483.582.461
Chi phí phải trả	9.687.720.637	1.600.000.000	-	11.287.720.637
Phải trả khác	3.876.454.348	-	-	3.876.454.348
	<b>49.113.267.830</b>	<b>102.377.819.272</b>	<b>-</b>	<b>151.491.087.102</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**29 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**30 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh:**

	Hoạt động vận tải biển	Hoạt động kinh doanh dịch vụ	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	147.189.225.722	39.499.774.756	186.689.000.478
Chi phí trực tiếp	146.768.829.317	37.451.392.047	184.220.221.364
Chi phí phân bổ	-	-	11.875.844.137
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>420.396.405</b>	<b>2.048.382.709</b>	<b>(9.407.065.023)</b>
Tài sản bộ phận	192.556.587.546	-	192.556.587.546
Tài sản không phân bổ	-	-	35.245.847.326
<b>Tổng tài sản</b>	<b>192.556.587.546</b>	<b>192.556.587.546</b>	<b>227.802.434.872</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	123.769.551.183	3.665.430.388	127.434.981.571
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	20.741.984.241
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>123.769.551.183</b>	<b>3.665.430.388</b>	<b>148.176.965.812</b>

**Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý:**

	Trong nước	Quốc tế	<b>Tổng cộng toàn doanh nghiệp</b>
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	44.866.513.839	141.822.486.639	186.689.000.478
Tài sản bộ phận	-	-	227.802.434.872
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	22.946.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012**31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
		VND	VND
<b>Mua vật tư, hàng hóa, dịch vụ</b>			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	1.421.373.532	833.291.217
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:			
	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
<b>Phải trả tiền hàng</b>			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	1.056.615.470	721.068.390
<b>Phải trả khác</b>			
- Công ty cổ phần vận tải biển VINASHIP	Thành viên Tổng Công ty	1.364.195.342	1.341.454.769

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị	492.637.525	563.877.045

**32 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

---

**Trần Thị Kim Lan**  
Kế toán trưởng

---

**Lê Tất Hưng**  
Giám đốc*Lập, ngày 16 tháng 01 năm 2013*

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,  
Thành phố Hải Phòng

**Báo cáo tài chính**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NĂM 2011</b>							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>17.169.335.000</b>	<b>(137.579.147)</b>	<b>1.341.838.558</b>	<b>2.190.163.198</b>	<b>11.558.359.909</b>	<b>92.122.117.518</b>
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	400.246.097	400.246.097
Trích lập các quỹ	-	-	-	665.656.522	332.828.261	(1.499.878.697)	(501.393.914)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	137.579.147	-	-	-	137.579.147
Chênh lệch tỷ giá nợ dài hạn vào Kết quả kinh doanh trong năm	-	-	11.273.619.792	-	-	-	11.273.619.792
Chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	-	(11.284.863.258)	-	-	-	(11.284.863.258)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>17.169.335.000</b>	<b>(11.243.466)</b>	<b>2.007.495.080</b>	<b>2.522.991.459</b>	<b>7.458.727.309</b>	<b>89.147.305.382</b>
<b>NĂM 2012</b>							
Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(9.407.065.023)	(9.407.065.023)
Trích lập các quỹ	-	-	-	40.024.610	20.012.304	(60.036.914)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(126.014.765)	(126.014.765)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	11.243.466	-	-	-	11.243.466
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>17.169.335.000</b>	<b>-</b>	<b>2.047.519.690</b>	<b>2.543.003.763</b>	<b>(2.134.389.393)</b>	<b>79.625.469.060</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	(%)	VND	(%)
Vốn góp của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	18.000.000.000	30,00%	18.000.000.000	30,00%
Vốn góp của đối tượng khác	42.000.000.000	70,00%	42.000.000.000	70,00%
	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>100%</b>